

LOẠI HÌNH LINGA, YONI TRONG VĂN HÓA ÓC EO MIỀN TÂY NAM BỘ - TIẾP CẬN TỪ QUY TRÌNH CHẾ TÁC

NGUYỄN HOÀNG BÁCH LINH *

Mở đầu

Văn hóa Óc Eo là một nền văn hóa cổ phát triển hết sức rực rỡ, được hình thành và phát triển gắn liền với lịch sử của vương quốc Phù Nam - một trong những quốc gia cổ đại đầu tiên của khu vực Đông Nam Á vào những thế kỷ đầu Công nguyên. Đặc điểm nổi bật xuyên suốt của nền văn hóa này là sự ảnh hưởng mạnh mẽ và gần như toàn diện của nền văn minh Ấn Độ, thể hiện hết sức sinh động qua sự du nhập, phát triển và gắn kết mạnh mẽ của các tín ngưỡng - tôn giáo với đời sống vật chất và tinh thần của cư dân lúc bấy giờ. Các di tích kiến trúc, đền đài, tượng thờ, linh - di vật... phục vụ đời sống tín ngưỡng - tôn giáo đã được tìm thấy trên một khu vực rộng lớn ở vùng đất Nam bộ nói chung với sự phong phú về số lượng và đa dạng về loại hình.

Nghiên cứu hệ thống tượng thờ thuộc Ấn Độ giáo phát hiện trong các di tích khảo cổ học thuộc văn hoá Óc Eo, ngoài các vị thần chủ đạo được lựa chọn để thờ phụng dưới hình thức nhân thân, trong thần điện Ấn Độ giáo còn có sự hiện hữu của những biểu tượng thờ rất độc đáo, gắn liền với nguồn gốc của các thần, xuất hiện trong các thần thoại, các bộ kinh và được người dân tôn sùng như chính hiện thân của các vị thần đó. Trong các biểu tượng thờ chủ yếu thì ngẫu tượng dạng linga, biểu thị cho đặc tính dương, năng lực sinh sản của thần Shiva và yoni, vật tượng trưng cho tính âm, năng lực nữ tính của chính thần Shiva, gọi là các shakti (Huỳnh Thị Được 2010), được tìm thấy phổ biến trong hầu hết các di tích thuộc văn hóa Óc Eo ở miền Tây Nam Bộ, đặc biệt là các di tích kiến trúc mang tính chất tôn giáo hoặc kiến trúc mộ (thờ (?)). Ngẫu tượng thờ dạng linga, yoni được chế tác từ nhiều loại chất liệu khác nhau như đá, kim loại hoặc đất nung song phổ biến nhất vẫn là những hiện vật từ chất liệu đá. Linga, yoni cũng được tạo hình với nhiều hình thức thể hiện và kích cỡ khác nhau tùy thuộc vào nội dung tôn giáo mà chúng đại diện và khung niên đại tồn tại.

Linga, yoni trong các nghiên cứu trước đây, thường chỉ được tiếp cận như một hiện vật thuộc phạm trù nghiên cứu về tín ngưỡng - tôn giáo của văn hóa Óc Eo, rời rạc từng hiện vật, chia thành các nhóm hoặc các thống kê chưa đầy đủ trong các công trình nghiên cứu. Việc nghiên cứu loại hình di vật này dưới góc độ kỹ thuật học và thông qua quy trình chế tác là một hướng tiếp cận khác mà người viết muốn trình bày.

Thống kê dựa trên những phát hiện và tư liệu đã được công bố gần đây, đã có 99 hiện vật thuộc loại hình ngẫu tượng thờ được tìm thấy tại hầu hết các tỉnh miền Tây Nam Bộ, trong đó: An Giang (22 hiện vật), Bạc Liêu (01 hiện vật), Cần Thơ (02 hiện vật), Đồng Tháp (10 hiện vật), Kiên Giang (08 hiện vật), Long An (37 hiện vật), Trà Vinh (13 hiện vật), Tiền Giang (07 hiện vật). Hiện vật thuộc loại hình

* Nghiên cứu viên Trung tâm Khảo cổ học - Viện KHXH Vùng Nam Bộ

linga, yoni hầu hết được thể hiện dưới dạng điêu khắc tượng tròn (trừ duy nhất linga thể hiện dạng phù điêu phát hiện ở di tích Cạnh Đền, Kiên Giang) (Bảng 1).

Căn cứ vào hình dáng và chức năng cụ thể, chúng thường được phân thành ba nhóm chính: nhóm linga, nhóm yoni và nhóm linga-yni, trong đó nhóm linga thường được phân chia thành nhiều phân nhóm và phụ loại cụ thể.

Bảng 1. Thống kê hiện vật thuộc loại hình linga, yoni trong văn hóa Óc Eo miền Tây Nam Bộ

Ký hiệu tỉnh	Tỉnh	Loại hình							Tổng số	
		Linga hiện thực	Mukhalinga	Linga ba phần	Linga hai phần	Linga một phần	Linga phù điêu	Linga-yni		Yoni
AG	An Giang	5	5	4		1		4	3	21
BL	Bạc Liêu							1		1
CT	Cần Thơ	1						1		2
ĐT	Đồng Tháp			2	1	1		1	5	10
KG	Kiên Giang	1		3	1		1		2	8
LA	Long An	2	4	4	5	1		11	9	36
TV	Trà Vinh		1	3	2	1		4	2	13
TG	Tiền Giang		2	3				1	1	7
TỔNG		9	12	19	9	4	1	23	22	99

Kết quả tổng hợp các phát hiện nói trên cung cấp một cái nhìn khái quát về sự hiện diện của loại hình này trong dòng chảy của nền nghệ thuật nói chung và nghệ thuật điêu khắc phục vụ tôn giáo nói riêng thuộc văn hóa Óc Eo ở khu vực miền Tây Nam Bộ. Số lượng từng nhóm hiện vật có sự chênh lệch khá lớn, trong đó nhóm loại hình linga (linga dạng hiện thực, mukhalinga, linga ba phần, hai phần và một phần, linga dạng phù điêu) chiếm ưu thế nhất (55%); nhóm hiện vật linga-yni kết hợp (23%) gần tương đương nhóm loại hình yoni (22%). Những con số thống kê trên có thể xem như là một trong những cơ sở để nhìn nhận một cách tương đối các xu hướng tôn giáo của cư dân văn hóa Óc Eo vùng đồng bằng Tây Nam Bộ và loại hình ngẫu tượng thờ được ưu chuộng trong việc thể hiện niềm tin tôn giáo, bên cạnh các thần tượng Ấn Độ giáo tại vùng đất này. Trong bài viết, những linga, yoni có đầy đủ các chỉ số kích thước là đối tượng được sử dụng cho phân tích. Các thuật ngữ sử dụng để miêu tả linga ba phần và linga-yni được thể hiện ở hình 1 và hình 7.

1. Loại hình Linga

Loại hình linga thuộc văn hóa Óc Eo miền Tây Nam Bộ, đại đa số được chế tác trên chất liệu đá (nhiều loại) dưới dạng điêu khắc tượng tròn, hình dáng đa dạng và chiếm số lượng nhiều nhất (54 hiện vật), bao gồm hai phân nhóm chính: linga dạng hiện thực (09 hiện vật) và linga dạng tượng trung (45 hiện vật).

Trong nhóm linga dạng tượng trung có thể chia ra thành nhiều phụ loại căn cứ vào hình dáng cơ bản của chúng: mukhalinga (12 hiện vật), linga ba phần (19 hiện vật), linga hai phần (09 hiện vật), linga một phần (04 hiện vật) và linga thể hiện dưới dạng phù điêu (01 hiện vật).

1.1. Linga dạng hiện thực

Linga thuộc loại hình này được tìm thấy trong nhiều di tích khảo cổ học đã minh chứng một quá trình phát triển xuyên suốt của nền nghệ thuật điêu khắc, từ những hình mẫu đầu tiên với tính chất hiện thực và có kích thước lớn sau đó chuyển dần sang cách thức thể hiện mang tính tượng trưng, quy ước. Đặc điểm thường thấy ở các linga dạng này là tính chất hiện thực với phần chân hình vuông hoặc không rõ ràng, phần trên thuôn dài, chòm đầu thuôn tròn và đôi khi thu nhỏ (Lê Thị Liên 2002). Từ những hình ảnh nguyên mẫu đầu tiên, cư dân cổ vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã tiếp cận, làm quen rồi dần nắm bắt được cái thần, hồn, đặc điểm trong kỹ thuật chế tác và từ nền tảng đó đã sáng tạo cho riêng mình những hình thức sơ khai của nền nghệ thuật điêu khắc tôn giáo (Bảng 2).

Ngẫu tượng thờ linga dạng hiện thực có thể xuất hiện rất sớm, vào thời kỳ mà những ảnh hưởng từ văn hóa Ấn Độ bắt đầu được lan truyền đến khu vực này, từ khoảng thế kỷ I, II trước Công nguyên đến khoảng thế kỷ IV - V. Đây cũng là thời kỳ mà Ấn Độ giáo ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long còn mang nhiều yếu tố nguyên sơ, dung hòa với các tín ngưỡng bản địa khá phổ biến của cư dân cổ (tín ngưỡng phồn thực, tục thờ đá...).

Bảng 2. Thống kê loại hình linga hiện thực trong văn hóa Óc Eo miền Tây Nam Bộ

Tỉnh	Di tích/Địa điểm	Ký hiệu	Cao tổng thể (cm)	Cao trụ tròn (cm)	Đk đầu (cm)	Đk thân (cm)	Niên đại
AG	Gò Cây Trôm	BTLS.5957/4269	173,0	80,0			I – IV
AG	Óc Eo - Ba Thê	BTAG.Gm.54	8,6				I – IV
AG	Óc Eo - Ba Thê	MBB.4270	108,0	65,0			I – IV
AG	Bảy Núi		45,0				I – IV
AG	Núi Sam		147,0				I – IV
LA	Gò Cao Su	94GCS.H1L6	8,57		4,3	4,3	I – IV
LA	???	BTLA.Đa.64	15,0				I – IV
CT	Nhon Thành	BTCT.703/IIN-255	24,0		9,7	14,3	I – IV
KG	Nền Chùa	BTKG.191	95,0	58,5			VI – VII

1.2. Linga dạng tượng trưng

Linga dạng tượng trưng là những ngẫu tượng mang tính cách điệu, quy chuẩn, thể hiện thành dạng hình khối và thường được phân tầng với các vai trò và ý nghĩa khác nhau. Trong đó, dạng linga ba phần là một trong những ngẫu tượng Ấn Độ giáo phổ biến và mang ý nghĩa tôn giáo đầy đủ nhất trong văn hóa Óc Eo nói chung, hầu hết đều được chế tác từ sa thạch, chia thành ba phần biểu tượng cho Tam vị nhất thể Trimutri: phần dưới cùng là một khối hình lập phương, tượng trưng cho Brahma; ở giữa là một hình lăng trụ tám mặt, đại diện cho Vishnu; phần trên cùng có hình trụ tròn, đại diện cho Shiva.

1.2.1. Mukhalinga

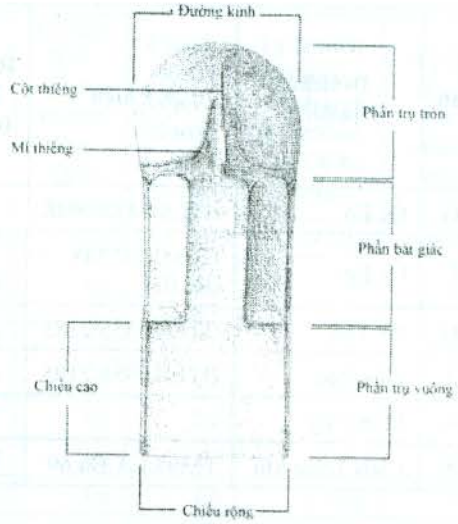
Đặc điểm riêng và quan trọng nhất để nhận biết ngẫu tượng mukhalinga là khuôn mặt thần Shiva được thể hiện dạng phù điêu trên phần trụ tròn tại vị trí đỉnh của cột thiêng. Thường thì ba phần cao bằng nhau, nhưng phần trên có thể phát triển đến một mức để có thể đưa ra nhiều kết luận (Malleret 1959). Ngẫu tượng mukhalinga trong văn hóa Óc Eo vùng đồng bằng Tây Nam Bộ xuất

hiện sớm nhất khoảng thế kỷ IV - V, đến giai đoạn thế kỷ VI - VIII là thời kỳ phát triển mạnh với số lượng nhiều nhất.

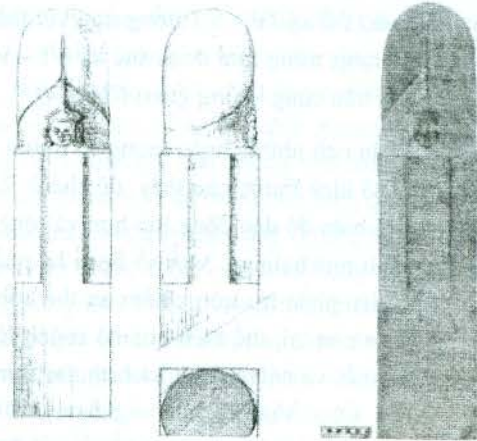
Tuy có sự khác nhau trong cách thể hiện mặt thân Shiva hay thể hiện phần mí thiêng - cột thiêng, song có thể khẳng định đa số các mukhalinga được tìm thấy ở khu vực nói trên đều được chế tác với một trình độ kỹ thuật cao, nét chạm khắc tinh xảo và các chỉ số kích thước đạt được tính hợp lý về mỹ thuật. Điều này phản ánh rõ qua việc thống kê chỉ số rộng trung bình¹; chỉ số chênh lệch kích thước lớn nhất²; chỉ số chênh lệch trung bình giữa các bộ phận cấu thành³; tỷ lệ giữa chênh lệch kích thước trung bình với chiều cao trung bình của ba phần⁴ và tỷ lệ giữa chiều rộng trung bình với chiều cao tổng thể của hiện vật (Bảng 3).

Nhìn chung, các điều khắc dạng mukhalinga được thể hiện với chỉ số chênh lệch trung bình giữa các phần không lớn: trong số 6/12 ngẫu tượng được phân tích, có 05 mẫu dao động trong khoảng dưới 2,0cm, 01 mẫu chênh lệch 4,7cm. Tỷ lệ giữa độ chênh lệch kích thước trung bình với chiều cao trung bình của các phần rất nhỏ (5/6 mẫu đều nhỏ hơn tỷ lệ 1:10), điển hình như mẫu BTL5.5958/2195 có tỷ lệ khoảng 1:90 và mẫu BTAG.2317/Đ(Đa.01) có tỷ lệ chỉ 1:214 (Hình 2).

Một hiện vật dạng hình khối trụ thể hiện gồm nhiều phần thì ngoài sự tương đồng giữa các phần thì sự cân đối giữa chiều rộng và chiều cao cũng là một tiêu chí quan trọng mà tỷ lệ thích hợp nhất nằm trong khoảng dao động từ 1:3 đến 1:4. Kết hợp cân đối hai chiều ngang và dọc thì sẽ tạo nên sự vững chãi, chắc chắn trong hình dáng và sự hài hòa, thẩm mỹ cho tác phẩm điêu khắc. Các ngẫu tượng mukhalinga cũng như linga ba phần (phân tích bên dưới) được tiếp



Hình 1. Một số thuật ngữ được sử dụng trong loại hình linga ba phần



Hình 2. Mukhalinga ký hiệu BTAG.2317/Đ

cận trong bài viết này đều cho thấy tỷ lệ vừa nêu chiếm ưu thế.

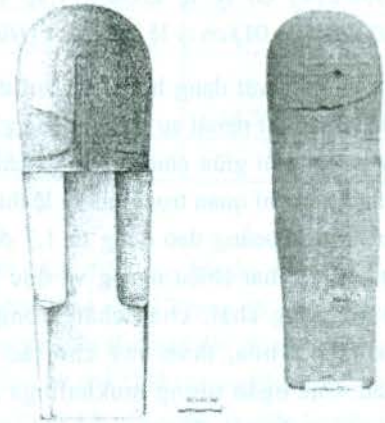
Bảng 3. Phân tích loại hình mukhalinga trong văn hóa Óc Eo miền Tây Nam Bộ¹

Tỉnh	Di tích/ Địa điểm	Ký hiệu	Rộng TB (cm)	Chênh lệch kích thước lớn nhất (cm)	Chênh lệch kích thước TB (cm)	Tỷ lệ chênh lệch kích thước TB/chiều cao TB ba phần	Tỷ lệ rộng TB/ chiều cao
AG	Óc Eo	BTLS.5532/3618	23,2	2,5	1,67	~ 1/13	~ 2/5
AG	Óc Eo	BTAG.2317/Đ (Đa.01)	21,4	0,2	0,14	~ 1/214	~ 1/4
AG	Ba Thê	BTLS.5555/2183	30,5	2,0	2,0	~ 1/19	~ 2/5
LA	Đức Hòa	BTLS.5958/2195		0,5	0,25	~ 1/90	
LA	Phước Lý		20,6	7,0	4,7	~ 1/4	~ 1/3
LA	Chùa Thiên Mụ	TM95.LA.Đa.69	22,8	3,0	2,0	~ 1/12	~ 1/3

1.2.2. Linga ba phần

Hình dáng cơ bản giống với loại hình mukhalinga, tuy vậy, cách thức thể hiện cũng có nhiều điểm khác biệt, chịu ảnh hưởng và tác động từ nhiều yếu tố: chất liệu, trình độ kỹ thuật, không gian văn hóa và giai đoạn xuất hiện của chúng (Hình 3). Về niên đại tương đối của loại hình này, có lẽ xuất hiện sớm nhất vào thế kỷ IV - V (tương ứng với thời kỳ cuối của loại hình linga hiện thực), phát triển mạnh mẽ về số lượng trong giai đoạn thế kỷ VI - VIII (tương đương với giai đoạn phát triển của loại hình mukhalinga trên cùng không gian) (Bảng 4).

Phân tích những ngẫu tượng có tương đối đầy đủ các chỉ số kích thước cho thấy, độ chênh lệch giữa các phần và biên độ dao động lớn hơn và rộng hơn so với loại hình mukhalinga. Một số linga ba phần được chú ý thể hiện phần trụ tròn chiếm ưu thế hơn hẳn so với hai phần còn lại, thể hiện qua độ chênh lệch kích thước lớn nhất và chênh lệch kích thước trung bình: linga Miếu Ông Vua (7,5cm - 5,0cm), Địa Tháp (4,6cm - 3,07cm), Rộc Chanh (4,5cm - 3,0cm), Trà Khấu (3,5cm - 2,33cm); tương ứng với độ chênh lệch này là chỉ số chênh lệch kích thước trung bình so với chiều cao trung bình của các phần khá lớn (linga Miếu Ông Vua và Rộc Chanh khoảng 1:5; linga Địa Tháp khoảng 1:6; linga Trà Khấu khoảng 1:11). Các hiện vật còn lại có độ chênh lệch cũng như tỷ lệ chênh lệch tương đối thấp. Xét về chỉ số tỷ lệ của chiều rộng trung bình so với chiều cao tổng thể của ngẫu tượng cho thấy một sự tương đồng cao trong cách thức thể hiện: có 7/10 mẫu thể hiện thể hiện tỷ lệ này trong khoảng 1:3; 3/10 mẫu còn lại thể hiện các tỷ lệ khác nhau: nhỏ nhất là khoảng 1:5 (một linga ở Gò Tháp); khoảng 1:4 (linga Miếu Ông Vua) và lớn nhất là tỷ lệ 2:5 (linga Bàu Sinh)⁵.



**Hình 3. Linga ba phần
ký hiệu RCI-LA.93-Đa.14**

Bảng 4. Phân tích loại hình linga ba phần trong văn hóa Óc Eo miền Tây Nam Bộ

Tỉnh	Di tích/ Địa điểm	Ký hiệu	Cao tổng thể (cm)	Rộng TB (cm)	Chênh lệch kích thước lớn nhất (cm)	Chênh lệch kích thước TB (cm)	Tỷ lệ kích thước chênh lệch TB/chiều cao TB ba phần	Tỷ lệ rộng TB/ chiều cao
AG	Hòa Bình Thạnh	BTAG.2017/Đ	74,5	23,9	3,0	2,0	~ 1/12	~ 1/3
LA	Rộc Chanh	RCI-LA.93- Đa.14	42,5	12,7	4,5	3,0	~ 1/5	~ 1/3
LA	Bàu Sinh	86LA93BS.33	37,7	13,9	0,9	0,6	~ 1/21	~ 2/5
LA	Gò Đồn	87LA93GD.54	38,0	13,9	1,2	0,8	~ 1/16	~ 1/3
TG	Đĩa Tháp	BTTG	52,0		3,0	2,0	~ 1/9	
TG	Đĩa Tháp	BTTG	59,4	18,2	4,6	3,07	~ 1/6	~ 1/3
KG	Đá Nôi		78,0	23,2	3,6	1,6	~ 1/16	~ 1/3
KG	Miếu Ông Vua		77,5	22,5	7,5	5,0	~ 1/5	~ 1/4
ĐT	Gò Tháp		119,2	35,2	0,8	0,53	~ 1/75	~ 1/3
ĐT	Gò Tháp		146,0	29,3	2,9	1,93	~ 1/25	~ 1/5
TV	Trà Kháu		79,5	24,0	3,5	2,33	~ 1/11	~ 1/3

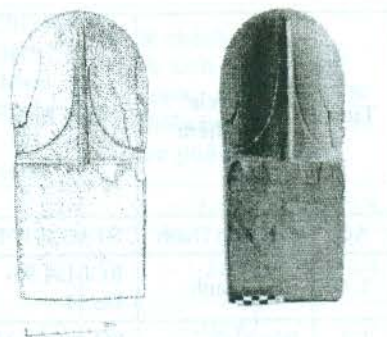
Ngược dòng lịch sử nghệ thuật của vùng đồng bằng Tây Nam Bộ, các thể kỷ đầu Công nguyên, nhất là khoảng thế kỷ IV - V, là giai đoạn tiếp thu các yếu tố tiểu tượng và bước đầu sáng tạo nên các tiêu chí đặc trưng của nền nghệ thuật điêu khắc bản địa, sang giai đoạn VI - VII là sự phát triển mạnh mẽ, trên cơ sở tiếp thu những tinh hoa từ những trung tâm nghệ thuật của Ấn Độ như: Amaravati, Gupta - hậu Gupta, Ganharā... những nghệ nhân bản địa đã sáng tạo và bản địa hóa những tiêu chí, yếu tố tiểu tượng học để phù hợp với đời sống tâm linh, xã hội và tư duy thẩm mỹ của mình, thể hiện qua số lượng phong phú các ngẫu tượng mukhalinga và linga ba phần xuất hiện trong thời kỳ này. Trong tiến trình đó, những quy tắc cơ bản trong điêu khắc tôn giáo cũng được tiếp nhận, chọn lọc và áp dụng trên hầu hết các tác phẩm điêu khắc và các dạng biểu tượng thờ cũng đồng thời là một trong những đối tượng đặc biệt quan trọng. Thông qua việc tiếp cận nghiên cứu dựa trên quy trình chế tác, tính toán độ chênh lệch, thiết lập các tỷ lệ giả định về hình khối của ngẫu tượng mukhalinga và linga ba phần, có cơ sở để nhận thức về sự hiện hữu của những quy chuẩn trong việc chế tác dạng ngẫu tượng thờ bên cạnh một số ít cá thể mang tính cách tân, sáng tạo không thực sự tuân theo các chuẩn mực chung. Một trong số những chuẩn mực đó là tỷ lệ khoảng 1:3 giữa chiều rộng trung bình so với chiều cao tổng thể của hiện vật dạng hình khối ba phần, góp phần tạo nên tính cân đối, hài hòa và thẩm mỹ của tác phẩm điêu khắc.

Theo Louis Malleret, trong khi tìm hiểu những văn hiến của Ấn Độ liên quan đến loại hình linga đã ghi nhận sự phân chia về loại hình dựa theo tỷ lệ của các phần bằng nhau hay chênh lệch về chiều cao theo những tỷ lệ xác định. Cụ thể, đối với linga thể hiện dưới dạng hình khối ba phần thì kích thước các phần tăng dần từ dưới lên trên và độ chênh lệch giữa phần trụ tròn - phần bát giác sẽ gấp đôi độ chênh lệch giữa phần bát giác - phần trụ vuông còn lại (L. Malleret 1959). Trong số 31 ngẫu tượng mukhalinga và linga ba phần thì chỉ có hai hiện vật thể hiện tương ứng với quy luật đó: linga Hòa Bình Thạnh với kích thước các phần từ dưới lên là 23,5cm - 24,5cm - 26,5cm và linga Đĩa Tháp với kích thước các phần là 16cm - 17cm - 19cm. Điều này cũng phần nào cho thấy sự tiếp nhận, tính sáng tạo và bản địa hóa các quy chuẩn có nguồn gốc từ Ấn Độ của nền nghệ thuật cổ Phù Nam.

1.2.3. Linga hai phần

Linga hai phần trong văn hóa Óc Eo ở khu vực Tây Nam Bộ được thể hiện với trụ tròn ở trên - tượng trưng cho thần Shiva và khối vuông bên dưới - tượng trưng cho thần Brahma. Tuy nhiên, có một số hiện vật được chế tác với phần bát giác (tượng trưng cho thần Vishnu) thay thế cho khối vuông.

Kích thước loại hình này tương đối nhỏ với chiều cao tổng thể thường dao động trong khoảng 30 - 40cm (trừ linga Nền Chùa) (Hình 4), (Bảng 5). Một đặc điểm dễ nhận thấy ở nhóm ngẫu tượng này là đa số chúng có độ chênh lệch kích thước giữa hai phần tương đối lớn. Chẳng hạn, linga Rạch Núi có độ chênh lệch giữa hai phần là 10,5cm và gần bằng 1:2 so với chiều cao mỗi phần; linga Trà Khấu có độ chênh lệch giữa hai phần là 3,0cm, tương ứng khoảng 1:5 chiều cao mỗi phần; linga Gò Tháp có độ chênh lệch giữa hai phần là 1,0cm tương ứng gần 1:5 chiều cao mỗi phần. Tuy nhiên, linga Nền Chùa lại cho một cách nhìn nhận khác. Đây là một linga kích thước lớn (cao 108,2cm), tuy vậy độ chênh lệch giữa hai phần chỉ là 0,8cm, do đó, tỷ lệ kích thước chênh lệch so với chiều cao mỗi phần rất nhỏ, chỉ khoảng 1:68. Về tỷ lệ giữa chiều rộng trung bình và chiều cao tổng thể của linga, phần lớn các hiện vật thể hiện tỷ lệ gần 1:2 (Bốn hiện vật ở Long An: Rạch Núi, Gò Đồn, Chùa Giữa, Gò Phật) với dáng ngắn, có phần cục mịch (tuy được trau chuốt tỷ mỉ và chú trọng thể hiện các chi tiết); linga Trà Khấu có tỷ lệ khoảng 2:5 và linga Gò Tháp có tỷ lệ 1:3 giữa chiều rộng trung bình và chiều cao tổng thể.



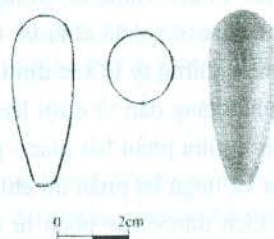
Hình 4. Linga hai phần
ký hiệu GD.87/LA.93.Đa.52

Bảng 5. Phân tích loại hình linga hai phần trong văn hóa Óc Eo miền Tây Nam Bộ

Tỉnh	Địa tích/ Địa điểm	Ký hiệu	Cao tổng thể (cm)	Rộng TB (cm)	Chiều cao TB (cm)	Chênh lệch kích thước (cm)	Tỷ lệ kích thước chênh lệch/ chiều cao các phần	Tỷ lệ rộng TB/ chiều cao
LA	Rạch Núi	BTLS.5522	36,5	18,6	18,25	10,5	~ 1/2	~ 1/2
LA	Gò Đồn	GD.87/LA.93.Đa.52	32,0	16,7	16,0	2,0	~ 1/8	~ 1/2
LA	Chùa Giữa		51,0	26,0	25,75	2,5	~ 1/10	~ 1/2
LA	Gò Phật	88LA93GP.7	3,4	1,7	1,7	0,2	~ 1/8	~ 1/2
KG	Nền Chùa	NC83.NCI/BTKG.191	108,2		54,1	0,8	~ 1/68	
ĐT	Gò Tháp	BTĐT.CV.484/Đ.405	11,0	3,8	5,5	1,0	~ 1/5	~ 1/3
TV	Trà Khấu		31,0	13,5	15,5	3,0	~ 1/5	~ 2/5

1.2.4. Linga một phần

Linga một phần chỉ thể hiện phần trụ tròn tượng trưng cho thần Shiva (có thể có phần chót nhỏ bên dưới để nối với bệ hoặc yoni). Loại hình này có số lượng ít nhất trong số ngẫu tượng dạng linga nói chung được tìm thấy (04 hiện vật): linga Gò Phật (GP.87.04.7); linga Luru Cừ (BTTV (3)); linga Óc Eo (BTAG.2312.Đa.32) (Hình 5); linga Gò Tháp (BTĐT.CV.18/2.Đa.19). Nhóm linga một phần có kích thước tương đối nhỏ, được đoán định niên đại xuất hiện khá muộn, khoảng thế kỷ VII - VIII, thời kỳ mà trình độ kỹ thuật và mỹ

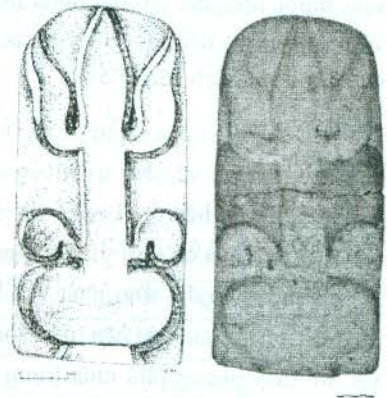


Hình 5. Linga một phần
ký hiệu BTAG.2312.Đa.32

thuật trong chế tác đã đạt đến mức độ hoàn thiện nên các tác phẩm được thể hiện một cách quy chuẩn và lý tưởng hóa là điều dễ hiểu, chẳng hạn linga một phần Gò Tháp (chiều cao tổng thể 22,0cm, linga cao 15,0cm) thể hiện phần trụ thuôn tròn, cột và mí thiêng tạo bằng các gờ nổi, phẳng phát yếu tố hiện thực, bên dưới là một chốt nhọn đầu (cao 7,0cm) dùng để gắn cố định với bệ. Bên cạnh việc dùng chất liệu truyền thống (sa thạch: linga Gò Phật, linga Gò Tháp), các nghệ nhân còn sử dụng một nguồn nguyên liệu khác minh chứng đậm nét hơn cho một trình độ chế tác điêu luyện, đó là thạch anh. Chất liệu này đòi hỏi một sự chính xác trong quy trình chế tác và sự tinh xảo trong kỹ thuật không chỉ vì độ quý hiếm của chất liệu, kích thước nhỏ của hiện vật (linga Lưu Cừ cao 2,4cm; linga Óc Eo cao 4,7cm với đường kính hai đầu lần lượt là 0,65 - 1,85cm) hay lý tính có phần khác biệt so với chất liệu đá thông thường mà còn vì vị trí và tính chất đặc biệt khi sử dụng chúng.

1.2.5 Linga dạng phù điêu

Điêu khắc phù điêu là sự thể hiện hình tượng bằng khối hai chiều, trong đó đối tượng chính được thể hiện nổi trên một nền phía sau, phần nền vừa có chức năng gắn kết với đối tượng thể hiện vừa làm nổi bật đối tượng đó. Tuy xét về mức độ trong thang bậc nghệ thuật thì không như điêu khắc tượng tròn song không vì thế mà giá trị nghiên cứu của loại hình nghệ thuật này không đáng lưu tâm. Thông tin mà điêu khắc phù điêu đem lại theo một khía cạnh khác, thông thường đó là sự kết hợp hài hòa và quan hệ chặt chẽ với kiến trúc bao chứa nó vì phù điêu chủ yếu được sử dụng để làm vật liệu trang trí cho kiến trúc - đền đài, chẳng hạn phù điêu trang trí trên các cột đá, mi cửa, phù điêu thể hiện trên bề mặt gạch, đá... Tuy nhiên, loại hình phù điêu thể hiện biểu tượng thờ thì lại tương đối hiếm. Cho đến nay, ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long chỉ mới phát hiện duy nhất một điêu khắc phù điêu, tìm thấy ở di tích Cạnh Đền (Kiên Giang) (Hình 6). Phù điêu có chiều dài 43,7cm, chiều rộng 20,4cm và dày 3,5cm, thể hiện hình một chiếc đinh ba cắm vào trong một chiếc bình Phong đăng (Lê Thị Liên 2002).



Hình 6. Phù điêu linga
Cạnh Đền (Kiên Giang)

2. Loại hình linga-yoni

Ngẫu tượng linga-yoni thường được hiểu là sự kết hợp giữa âm và dương, mang ý nghĩa phồn thực, trong đó linga biểu tượng sinh thực khí nam và yoni biểu tượng sinh thực khí nữ. Trong điêu khắc ngẫu tượng thờ của Ấn Độ giáo thì loại hình này được thể hiện gồm một linga tạc liền khối với yoni bên dưới hoặc từ hai phần rời kết hợp với nhau, chất liệu phổ biến là đá các loại (sa thạch, thạch anh...). Nếu như phần linga thường được thể hiện dạng trụ tròn (gồm một hay hai phần) thì yoni, theo các quy định và chuẩn mực trong nghi lễ Ấn Độ giáo, được thể hiện dưới nhiều hình dáng khác nhau: hình vuông, hình tròn hay hình chữ nhật... Tuy nhiên, đối văn hóa Óc Eo cũng như văn hóa khu vực Đông Nam Á nói chung, loại yoni hình vuông được tìm thấy phổ biến nhất. Trong tổng số 23 hiện vật dạng linga-yoni được phát hiện, có 07 hiện vật được chế tác từ chất liệu thạch anh (4 hiện vật phát hiện trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; 2 hiện vật tìm thấy ở khu vực Tịnh Biên (An Giang) và 1 hiện vật ở di tích Gò Trâm Quỳ (Long An)). Loại linga-yoni với yoni dạng hình tròn được tìm thấy rất hiếm, kích thước cũng rất nhỏ và thường được gắn với phần bệ liền bên dưới, cho đến nay có 03 hiện vật được tìm thấy: 1

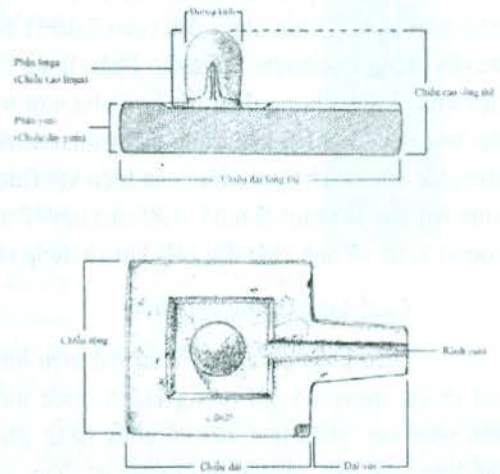
hiện vật chế tác từ sa thạch (linga-yoni Gò Bún), 2 hiện vật còn lại chế tác từ thạch anh (hiện vật thuộc sưu tập linga-yoni Trà Vinh và ngẫu tượng Gò Trâm Quý).

Với 11/23 hiện vật dạng linga-yoni được phát hiện, tỉnh Long An có số lượng hiện vật nhiều nhất; tỉnh An Giang và Trà Vinh đều tìm thấy 04 hiện vật cùng dạng; các tỉnh Đồng Tháp, Tiền Giang, Bạc Liêu, Cần Thơ cũng tìm thấy loại này với số lượng tối thiểu. Đây là một trong số những loại hình điêu khắc nhiều kích cỡ và đa dạng trong cách thức thể hiện của nền nghệ thuật Phù Nam, đồng thời cũng là biểu tượng thờ được chế tác từ thạch anh nhiều nhất với đặc trưng là kích thước nhỏ, các chi tiết được thể hiện khá đơn giản và mang nhiều nét gần gũi với các hiện vật cùng loại chế tác từ sa thạch (Bảng 6).

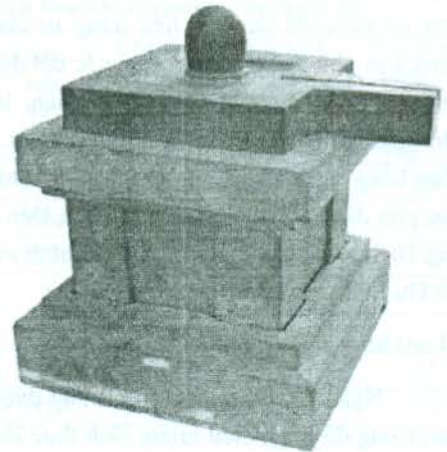
Về vị trí của ngẫu tượng linga-yoni trong tiến trình hình thành và phát triển của nền nghệ thuật điêu khắc thuộc văn hóa Óc Eo, có thể thấy rằng, loại hình này xuất hiện và có thời gian tồn tại kéo dài, từ những hiện vật có niên đại sớm nhất vào khoảng thế kỷ V - VI (Nhơn Thành, Gò Trâm Quý...) cho đến giai đoạn phát triển cao của nền nghệ thuật với số lượng hiện vật tìm thấy phong phú nhất trong khoảng thế kỷ VII - VIII (nhiều hiện vật tìm thấy ở Long An, An Giang), thậm chí một số hiện vật được đoán định niên đại muộn đến thế kỷ IX - X (linga-yoni Tháp Trà Long (Bạc Liêu), Gò Thành, Rộc Chanh (RC89/LA.93.Đa.48(2) và RC89/LA.93.Đa.60...).

Linga-yoni là loại hình ngẫu tượng thể hiện một cách sâu sắc về trình độ kỹ thuật và thẩm mỹ của các nghệ nhân thời bấy giờ, đồng thời bao chứa gần như trọn vẹn cái thần - hồn của hai loại hình cụ thể, vì thế sẽ là đối tượng được phân tích chi tiết nhất nhằm chứng minh có hay không các chuẩn mực tồn tại trong nghệ thuật điêu khắc. Bài viết sẽ thống kê tỷ lệ giữa chiều cao với chiều dài tổng thể; chênh lệch kích thước yoni⁷; tỷ lệ giữa chiều dài vòi với kích thước trung bình yoni⁸; chiều cao linga so với chiều dày yoni; đường kính so với chiều cao linga; đường kính linga so với kích thước trung bình yoni.

Kết quả cho thấy, tỷ lệ giữa chiều cao tổng thể với chiều dài tổng thể có sự tương đồng, theo đó tỷ lệ phổ biến trong khoảng 1:2 đến gần 2:5 (03 mẫu ở mỗi tỷ lệ); ngoài ra còn có tỷ lệ 1:3 (02 mẫu) và tỷ lệ 2:3 (02 mẫu). Hầu hết các yoni (không kể phần vòi nhô ra ngoài) đều có dạng vuông vắn với độ chính xác tuyệt đối hoặc sai số không đáng kể (4/16 mẫu có sai lệch kích thước nhưng chỉ dưới 0,3cm).



Hình 7. Chú thích một số thuật ngữ được sử dụng đối với loại hình linga-yoni



Hình 8. Linga-yoni ký hiệu BTAG-2108/D (AG.94.Đa.02)

Bảng 6. Phân tích hiện vật thuộc loại hình linga-yni trong văn hóa Óc Eo miền Tây Nam Bộ

Tỉnh	Di tích/ địa điểm	Ký hiệu	Tỷ lệ chiều cao/chiều dài tổng thể	Chênh lệch kích thước (cm)	Tỷ lệ vôi/kích thước TB yoni	Tỷ lệ chiều cao linga/chiều dày yoni	Đường kính linga/chiều cao linga	Đường kính linga/kích thước TB yoni
AG	Óc Eo	BTAG-2108/Đ (AG.94.Đa.02)		0	~ 1/2	1,52	0,92	~ 1/4
AG	Óc Eo	BTAG-2016/Đ (AG.94.Đa.03)	~ 1/3	0	~ 1/2	1,27	0,79	~ 1/3
AG	Tịnh Biên	BTAG.2310/Đ	~ 2/3	0,06	~ 1/2	0,9	0,86	~ 1/4
AG	Tịnh Biên	BTAG.2311/Đ (AG.94.Đa.33)	~ 2/5	0	~ 2/5	0,69	1,0	~ 1/3
TV	Trà Vinh		~ 1/2	0	~ 2/5	1,0	1,11	~ 1/3
TV	Trà Vinh		~ 2/5	0,139	~ 1/2			
TV	Trà Vinh			0,29	~ 1/6			
LA	Gò Bún	GB.89.LA.93.Đa.45		0	~ 1/11	0,9	0,86	~ 1/4
LA	Rộc Chanh	RC.86/LA.93.Đa.49	~ 1/3	0	~ 1/2	1,5	0,7	~ 1/3
LA	Gò Đồn	GD87/LA.93Đa.44	~ 1/2	0		2,9	1,0	~ 2/5
LA	Gò Rộc Chanh	86.LA.93.Đa.48 (1)	~ 2/5	0	~ 1/2			
LA	Gò Rộc Chanh	86.LA.93.Đa.48 (2)		0	~ 1/2			
LA	Gò Trâm Quý	90.LA.93.TQ.8				0,6	0,97	
LA	Gò Đồn	GD.87.LA.93.Đa.66		0				
LA	Gò Rộc Chanh	RC.LA.93.Đa.43		0		1,7	1,0	~ 1/3
LA	Gò Đồn	GD.87/LA.93.Đa.51		0	~ 1/5			
LA	Gò Đồn	GD.87/LA.93.Đa.46	~ 1/2				0,96	
CT	Nhon Thành			0,1	~ 1/4	2,1	0,88	~ 1/3

Xem xét mối tương quan giữa chiều dài vôi với kích thước trung bình của yoni, kết quả sau khi thống kê 13/23 ngẫu tượng thuộc nhóm này (có đầy đủ thông số kích thước để lập tỷ lệ) cho thấy, có đến 7/13 mẫu có tỷ lệ chiều dài vôi bằng 1:2 cạnh yoni; 2/13 mẫu có phần vôi khoảng 2:5 cạnh yoni; những hiện vật còn lại có chiều dài vôi ngắn so với kích thước của phần yoni (chiều dài vôi dao động trong khoảng 1:4, 1:5 hay 1:6 cạnh yoni), cá biệt có hiện vật thể hiện phần vôi rất ngắn, chỉ bằng khoảng 1:11 đường kính yoni (linga-yni dạng tròn ở Gò Bún), tuy nhiên sự cá biệt ở đây hoàn toàn do hình dáng đặc biệt của yoni quyết định. Đây là một cơ sở khoa học góp phần khẳng định sự tồn tại của một trong những quy chuẩn chế tác loại hình linga-yni, theo đó các yoni sẽ có phần vôi bằng một nửa (hoặc gần bằng một nửa) kích thước yoni.

Về mối tương quan giữa linga với yoni thể hiện qua chiều cao linga với độ dày yoni, kết quả phân tích cho thấy mối tương quan này có biên độ dao động tương đối rộng. Hai hiện vật với phần linga thể hiện rất thấp (tỷ lệ khoảng 0,6 với hiện vật Gò Trâm Quý (90.LA.93.TQ.8) và khoảng 0,69 với hiện vật Tịnh Biên (BTAG.2311/Đ)), tuy nhiên điểm cần lưu ý là cả hai đều được chế tác từ thạch anh. Linga có

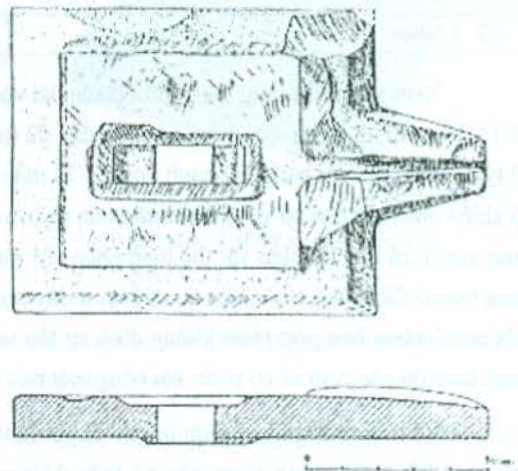
chiều cao gần bằng hoặc lớn hơn một chút so với độ dày của yoni thể hiện ở hiện vật Tịnh Biên (BTAG.2310/Đ) và hiện vật Gò Bún (GB.89.LA.93.Đa.45) có cùng tỷ lệ gần 0,9; linga-yni thạch anh ở Trà Vinh có phần linga bằng chiều dày phần yoni; hiện vật Óc Eo (BTAG-2016/Đ) có chiều cao gấp gần 1,27 lần chiều dày yoni. Các hiện vật khác có chiều cao linga dao động trong khoảng 1,5 đến 2,0 lần chiều dày yoni, cá biệt có hiện vật thể hiện tỷ lệ gấp khoảng 2,9 lần (hiện vật Gò Đồn, GD87/LA.93Đa.44).

Mối tương quan thứ hai được nghiên cứu là tỷ lệ giữa đường kính linga so với kích thước trung bình của yoni. Kết quả phân tích với 10 hiện vật đảm bảo đầy đủ và chính xác các thông số cần thiết cho thấy, tỷ lệ khoảng 1:3 chiếm 6/10 mẫu phân tích, 3/10 mẫu thể hiện tỷ lệ gần 1:4 và mẫu còn lại có tỷ lệ khoảng 2:5 (linga-yni Gò Đồn (GD87/LA.93Đa.44)). Tỷ lệ từ 1:3 đến 1:4 giữa đường kính linga với kích thước trung bình của yoni chiếm đa số có thể là một xu hướng hay một chuẩn mực trong chế tác và thể hiện những ngẫu tượng linga-yni.

Nhận định về cách thức thể hiện phần linga trong mối tương quan với bộ yoni và với tổng thể, có thể thấy linga đều được chú ý chế tác với một tỉ lệ kích thước đủ để làm nổi bật vị trí và vai trò của linga - chiều cao thường tương đương hoặc lớn hơn độ dày của yoni. Linga thể hiện tính dương và thể hiện sức mạnh, tinh thần của một biểu tượng linh thiêng, kết hợp với yoni, vừa mang ý nghĩa tương phản, vừa thực hiện chức năng bệ đỡ, tạo nên tính đăng đối và thẩm mỹ, đồng thời cũng thể hiện tính hướng thượng theo mô hình tam giác cân với phần đỉnh là đỉnh của linga. Linga được tạc liền trên bộ yoni thường được thể hiện một cách đơn giản: một trụ tròn dạng linga một phần hoặc dạng hai phần với một trụ bát giác nhỏ ở phần tiếp giáp với yoni và phần trụ tròn ở trên như hiện vật BTAG-2108/Đ (Hình 8) và hiện vật phát hiện ở tháp Trà Long. Đa số linga có tỷ lệ đường kính nhỏ hơn hoặc tương đương với chiều cao của chúng. Đối với những linga có kích thước trung bình và đặt trong mối tương quan về mặt tổng thể với yoni thì tỷ lệ thích hợp có lẽ là đường kính tương đương với chiều cao, điều này tạo cho linga một sự chắc chắn, đầy đặn và cũng mang lại tính cân đối cho tác phẩm điêu khắc.

Về nhóm linga-yni được chế tác từ thạch anh, thông qua những chỉ số và mối tương quan giữa các phần, được đặc biệt chú trọng, không những vì có yêu cầu cao về kỹ thuật, sự am hiểu về lý tính của chất liệu cũng như sự tinh tế khi chế tác những hiện vật có kích thước nhỏ mà vẫn đảm bảo các chi tiết được thể hiện sống động, mà còn vì giá trị và vị trí đặc biệt của chúng trong hệ thống thờ tự Ấn giáo nói chung. Theo quy định, các ngẫu tượng từ thạch anh chỉ được đặt ở vị trí sâu nhất trong đền thờ Ấn giáo, nó trong suốt nên không có màu sắc của riêng mình mà hòa vào màu sắc của vật chất xung quanh, mang tính biểu tượng cho trạng thái vô tướng, vô định của thần Shiva. Cho nên sẽ là một điều khó lý giải nếu các quy chuẩn trong điêu khắc (nếu có) không được thể hiện một cách đầy đủ trên các tác phẩm bằng thạch anh. Bốn ngẫu tượng linga-yni bằng thạch anh được phân tích (02 mẫu tìm thấy ở Tịnh Biên (BTAG.2310/Đ và

BTAG.2311/Đ); 02 mẫu ở Trà Vinh) đều cho những tỷ lệ nằm trong khung dao động phổ biến



Hình 9. Yoni ký hiệu BT.87.LA.Đa.71

nhất. Cụ thể, ngẫu tượng ký hiệu BTAG.2310/Đ có độ chênh lệch trong kích thước yoni chỉ 0,06cm, một mẫu ở Trà Vinh có độ chênh lệch bằng 0,139cm; hai mẫu còn lại thể hiện dạng vuông với sự chính xác tuyệt đối. Tỷ lệ giữa chiều cao nằm trong khoảng 1:2 đến 2:5 chiều dài tổng thể; tỷ lệ giữa chiều dài vòi cũng từ 1:2 đến 2:5 kích thước trung bình của yoni và tỷ lệ giữa đường kính linga so với kích thước trung bình của yoni dao động trong khoảng 1:3 đến 1:4 là những tỷ lệ phổ biến nhất. Có thể xem đây là cơ sở bước đầu để chứng minh sự hiện diện của những quy chuẩn dành cho công việc điêu khắc một trong những vật thờ quan trọng bậc nhất của Ấn Độ giáo thuộc văn hóa Óc Eo vùng Tây Nam Bộ.

3. Loại hình Yoni

Yoni được phát hiện với diện phân bố khá rộng ở vùng đồng bằng Tây Nam Bộ, số lượng khá phong phú (22 hiện vật), đa dạng về kích thước và được chế tác từ nhiều chất liệu khác nhau. Trong đó phổ biến nhất là yoni có tâm hình vuông và chế tác từ đá. Việc phân tích và xác định niên đại cho các ngẫu tượng yoni rất khó khăn vì kiểu dáng của chúng thường tuân theo một mô thức nhất định và ít có sự biến đổi qua thời gian. Theo thống kê, chỉ có 11/22 ngẫu tượng đã được định niên đại tương đối, nhưng trong đó có ba hiện vật cần được kiểm chứng lại. Với những hiện vật đã được định niên đại cho thấy chúng tồn tại và phát triển liên tục từ giai đoạn đầu của quá trình hình thành nền nghệ thuật điêu khắc văn hóa Óc Eo (thế kỷ V - VI) cho đến thời kỳ phát triển đỉnh cao của nó (giai đoạn VI - VIII). Hầu hết các yoni đều được thể hiện một cách chính xác dưới dạng khối vuông dẹt. Trong số 18/22 yoni đo được kích thước cơ bản, chỉ có hai ngẫu tượng có sự chênh lệch giữa chiều dài và rộng, đó là yoni Bình Tả ký hiệu BT.87.LA.Đa.71 (Hình 9) chênh lệch đến 10,0cm và yoni phát hiện tại An Giang (BTAG.2099/G) với độ chênh lệch 0,4cm (Bảng 7).

Bảng 7. Tổng hợp và phân tích hiện vật thuộc loại hình yoni trong văn hóa Óc Eo miền Tây Nam Bộ

Tỉnh	Di tích/ Địa điểm	Ký hiệu	Dài	Rộng	Dày	Dài vòi	Chênh lệch kích thước	Tỷ lệ dài vòi/rộng yon	Tỷ lệ đáy/kích thước yoni	Niên đại
LA	Bình Tả	BT.87.LA.Đa.71	100,0	90,0	11,0	30,0	10,0	~ 1/3	~ 1/9	?
LA	Bình Tả	BT.87.LA.Đa.72	72,0	72,0	10,0	23,0	0	~ 1/3	~ 1/7	?
LA	Gò Hồ	87.LA.93.GH.60	98,0	98,0	10,0	35,0	0	~ 1/3	~ 1/10	VI - VII
LA	Gò Trâm Quý	LA.93.TQ.25(gm)	16,0	16,0	6,0		0		~ 1/3	?
LA	Gò Phật	GP.87/LA.93.Đa.47	13,0	13,0	5,0	5,2	0	~ 2/5	~ 1/3	VII - VIII
LA	Gò Sao	GS.87/LA.93Gm.24	28,0	28,0	6,6	6,0	0	~ 1/5	~ 1/4	?
LA	Cần Giuộc	CG.89/LA.93.Đa.13	52,0	52,0	10,0		0		~ 1/5	?
LA	Rộc Chanh		11,2	11,2	3,2	3,6	0	~ 1/3	~ 1/4	?
LA	Bàu Thành	BTLS.5805	40,0	40,0	9,0	10,0	0	~ 1/4	~ 1/4	VII - VIII
ĐT	Gò Tháp	BTĐT.GT.13	79,0	79,0	10,0	26,0	0	~ 1/3	~ 1/8	VII - VIII
ĐT	Gò Tháp	BTĐT.GT.15	28,5	28,5	9,0	15,0	0	~ 1/2	~ 1/3	VII - VIII
AG		BTAG.2099/G	15,0	14,6	4,1	4,0	0,4	~ 1/4	~ 1/4	VI - VIII?
AG	Vọng Thê	BTLS.5803/4953	59,0	59,0	12,5		0		~ 1/5	VI - VII
AG		BTAG - 4037/Đ	65,0	65,0	10,7	33,0	0	~ 1/2	~ 1/6	VI - VIII?
TV	Lưu Cừ	BTHTV.195	7,5	7,5	0,9	1,5	0	~ 1/5	~ 1/8	?
TV	Trà Khâu		110,0	110,0			0			VI - VII
KG	Gò Công Chúa		119,0	119,0		67,0	0	~ 3/5		I - V?
KG	Đá Nổi	BTKG.176	70,5	70,5	7,8	32,5	0	~ 1/2	~ 1/10	V - VI

Kết quả tổng hợp tỷ lệ giữa chiều dài vòi với chiều rộng của yoni đối với 14/18 hiện vật có đủ thông số cần thiết cho thấy, 3/14 ngẫu tượng có chiều dài vòi bằng khoảng 1:2 chiều rộng của yoni; 5/14 ngẫu tượng có tỷ lệ khoảng 1:3; 2/14 ngẫu tượng có tỷ lệ khoảng 1:4; 2/14 ngẫu tượng có tỷ lệ khoảng 1:5; tỷ lệ khoảng 2:5 và 3:5 có cùng một hiện vật đại diện. Một tiêu chí cũng góp phần tạo nên tính cân đối và thẩm mỹ cho loại hình yoni, theo người viết, là tỷ lệ giữa độ dày yoni so với kích thước trung bình của chúng. Tuy nhiên, khi phân tích 16/18 yoni (có đầy đủ thông số cần thiết) thì lại cho những kết quả hết sức khác nhau với biên độ dao động từ 1:3 cho đến 1:10, trong đó chỉ có 4/16 ngẫu tượng có tỷ lệ khoảng 1:4; 3/16 ngẫu tượng có chung tỷ lệ khoảng 1:3; 2/16 ngẫu tượng có tỷ lệ khoảng 1:5... đặc biệt, yoni có độ dày nhỏ nhất so với kích thước của chúng như trường hợp yoni Gò Hồ và Đá Nổi (cùng tỷ lệ 1:10). Có thể thấy, chỉ với 7/16 ngẫu tượng thể hiện tỷ lệ giữa độ dày với kích thước yoni trong khoảng 1:3 đến 1:4 và các mẫu phân tích khác có biên độ dao động tương đối rộng, kết hợp với quan sát thực tế các yoni được nghiên cứu, vẫn chưa đủ cơ sở để khẳng định tồn tại một hằng số cho tỷ lệ giả định này.

Những phân tích trên về ngẫu tượng yoni góp phần cung cấp thêm cơ sở khoa học trong việc đánh giá trình độ kỹ thuật và mỹ thuật trong điêu khắc của cư dân văn hóa Óc Eo vùng Tây Nam Bộ nói riêng thông qua các tỷ lệ trong hình khối và so sánh mối tương quan giữa các chi tiết của hiện vật. Yoni được chế tác với sự chênh lệch trong tỷ lệ giữa chiều dài vòi và chiều rộng yoni có một biên độ dao động khá rộng, không tương đồng với kết quả phân tích tương tự trong loại hình linga-yni gợi lên nghi vấn về một quy chuẩn của loại hình yoni: chiều dài vòi bằng 1:2 chiều rộng của yoni. Căn cứ vào kết quả phân tích và so sánh tỷ lệ về chiều dài vòi với chiều rộng yoni giữa ngẫu tượng yoni và phần yoni thuộc nhóm linga-yni, có thể nhận định quy chuẩn được nhắc đến chỉ có thể được áp dụng trong quá trình chế tác ngẫu tượng linga-yni.

Nhận thức và kết luận

Kết quả phân tích dưới góc độ kỹ thuật học ở hầu hết ngẫu tượng thuộc loại hình linga, yoni trong văn hóa Óc Eo ở miền Tây Nam Bộ cho thấy, các tác phẩm điêu khắc này có thể có hoặc không có quy chuẩn nhất định trong quy trình chế tác. Sự tồn tại của các quy chuẩn trong điêu khắc, theo người viết, được thể hiện qua hai yếu tố cụ thể: thứ nhất là sự tương đồng giữa các chi tiết với nhau, thứ hai là tỷ lệ của các phần so với tổng thể. Ở mỗi loại hình, có thể tùy vào ý nghĩa tôn giáo cụ thể và vị trí của chúng trong từng bối cảnh cụ thể mà mức độ cũng như sự áp dụng các quy chuẩn trong quá trình chế tác có sự khác nhau.

- **Đối với ngẫu tượng mukhalinga và linga ba phần:** đây là hai loại hình có sự giống nhau trong cách thức thể hiện, chiếm số lượng nhiều nhất trong nhóm ngẫu tượng dạng linga, tương đồng trong niên đại xuất hiện và là những loại hình có vai trò quan trọng bậc nhất thuộc hệ thống thờ tự Ấn Độ giáo. Do số lượng hiện vật mẫu được phân tích chưa đủ vững chắc cho loại hình mukhalinga trong văn hóa Óc Eo ở Tây Nam Bộ nói riêng, tuy nhiên, bước đầu có thể đưa ra giả thuyết đã xuất hiện tính quy chuẩn về sự tương đồng giữa các thành phần với nhau và tỷ lệ của các phần so với tổng thể trong điêu khắc loại hình này. Ngẫu tượng linga ba phần có số lượng nhiều hơn và hầu hết xuất hiện trong giai đoạn thế kỷ VI - VIII, là giai đoạn phát triển đỉnh cao của nền nghệ thuật điêu khắc Óc Eo nhưng sự sai lệch giữa kích thước ba phần lại tương đối lớn, cho nên quy chuẩn về sự tương đồng giữa các thành phần với nhau và tỷ lệ của các phần so với tổng thể không được thể hiện. Quy chuẩn tỷ lệ giữa chiều rộng trung bình so với chiều cao tổng thể của hiện vật của loại hình linga ba phần cho thấy tỷ lệ 1:3 chiếm đa số, từ những tác phẩm ở giai đoạn đầu của thời kỳ phát triển như linga Gò Đồn (87.LA.93.GĐ.54), linga Đá Nổi, linga Gò Tháp với khung niên đại khoảng thế kỷ V - VII cho đến linga Hòa Bình Thạnh (BTAG.2017/Đ), linga Rộc Chanh (RCI-LA.93-Đa.14), linga Địa Tháp với khung niên đại khoảng thế kỷ VII - VIII đều minh chứng cho tỷ lệ nói trên.

- **Đối với ngẫu tượng linga hai phần và một phần:** số lượng hiện vật mẫu đảm bảo về các chỉ số có thể phân tích không nhiều nên đây chỉ là những kết quả nghiên cứu bước đầu và cần có quá trình tổng hợp, nghiên cứu sâu trên một bình diện rộng thì những nhận thức sẽ rõ ràng hơn nhưng nhìn chung, những quy chuẩn chung trong kỹ thuật điêu khắc loại hình biểu tượng dạng trụ vẫn còn được thể hiện song tính chính xác và tinh tế không còn được chú trọng, thể hiện rõ qua tỷ lệ kích thước chênh lệch với chiều cao trung bình của các phần rất lớn (lớn nhất đến khoảng 1:2 hoặc 1:5) tuy rằng đòi hỏi trong kỹ thuật thể hiện hình khối của loại hình này đơn giản hơn so với việc thể hiện ba phần riêng biệt của loại hình mukhalinga hay linga ba phần. Dường như linga hai phần và một phần không được chăm chút và có sự thoái hoá về mặt kỹ thuật nếu so sánh với những tác phẩm mukhalinga hay linga ba phần ở cùng giai đoạn xuất hiện.

- **Đối với ngẫu tượng linga-yoni:** dựa vào kết quả thống kê đã cung cấp kết quả cụ thể: chiều cao có tỷ lệ trong khoảng 1:2 đến 2:5 so với chiều dài tổng thể; tỷ lệ giữa chiều dài vòi dao động trong khoảng từ 1:2 đến 2:5 kích thước trung bình của yoni và tỷ lệ giữa đường kính linga so với kích thước trung bình của yoni khoảng 1:3 đến 1:4. Có thể xem đây là cơ sở để góp phần chứng minh sự hiện diện của những quy chuẩn dành cho quy trình điêu khắc một trong những vật thờ quan trọng bậc nhất của Ấn Độ giáo thuộc văn hóa Óc Eo vùng Tây Nam Bộ - loại hình linga-yoni.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến sự khác biệt giữa tỷ lệ chiều dài phần vòi với kích thước trung bình của yoni ở ngẫu tượng yoni và linga-yoni. Theo đó, nếu như đối với nhóm ngẫu tượng linga-yoni thì tỷ lệ phần vòi được thể hiện bằng 1:2 kích thước yoni chiếm đa số và hoàn toàn có cơ sở để khẳng định tỷ lệ này là một trong những quy chuẩn khi chế tác loại hình ngẫu tượng linga-yoni thì tỷ lệ này lại không áp dụng với loại hình yoni.

Những ngẫu tượng linga, yoni với sự phong phú về loại hình và đa dạng về kích thước, vừa tuân theo những quy chuẩn nhất định trong chế tác và kỹ thuật từ những chuẩn mực của nền văn minh Ấn Độ, vừa là những sáng tạo mang tính bản địa của cộng đồng cư dân cổ thuộc văn hoá Óc Eo, được phát hiện ở nhiều nơi trên vùng đất Nam Bộ và hiện được lưu giữ và trưng bày trong các bảo tàng địa phương thực sự là những di sản văn hóa vô giá. Bài viết “loại hình linga, yoni trong văn hóa Óc Eo miền Tây Nam Bộ - tiếp cận từ quy trình chế tác”, thông qua việc hệ thống và phân tích các loại hình từ đơn giản đến phức tạp của những ngẫu tượng linga, yoni để góp thêm một phần trong nhận thức các đặc trưng nền nghệ thuật bản địa của cư dân Óc Eo trong quá trình sinh tụ, chiếm lĩnh và phát triển trên vùng đất Nam bộ ở thiên niên kỷ đầu Công Nguyên.

Chú thích

Bản vẽ, bản ảnh: Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học.

Bản biểu, thống kê, hình minh họa: Nguyễn Hoàng Bách Linh.

(1) Rộng trung bình = (rộng trụ vuông + rộng phần bát giác + đường kính trụ tròn)/3

(2) Chênh lệch kích thước lớn nhất = phần có chiều cao lớn nhất – phần có chiều cao nhỏ nhất

(3) Chênh lệch kích thước trung bình = $[|a - b| + |a - c| + |b - c|]/3$

(4) Chiều cao trung bình ba phần = $[a + b + c]/3$ (a: cao trụ vuông; b: cao phần bát giác; c: cao trụ tròn).

(5) Các chỉ số kích thước chi tiết được sử dụng trong quá trình phân tích, do giới hạn bài viết, xin phép được giản lược, chi sử dụng những kết quả đã được tính toán. Dữ liệu đầy đủ, xin xem trong “*Bước đầu nghiên cứu loại hình linga, yoni trong văn hóa Óc Eo ở Tây Nam Bộ*” (Nguyễn Hoàng Bách Linh 2012) – Tư liệu Viện KHXH vùng Nam Bộ.

(6) Các công thức áp dụng cho linga ba phần tương tự như đối với loại hình mukhalinga nêu trên.

(7) Chênh lệch kích thước phần yoni = |chiều dài - chiều rộng|.

(8) Kích thước trung bình phần yoni = (chiều dài + chiều rộng)/2.

TÀI LIỆU DẪN

- BÙI PHÁT DIỆM 2002. *Di tích văn hóa Óc Eo ở Long An*. Luận án Tiến sĩ. Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học, Tp. Hồ Chí Minh.
- HUỶNH THỊ ĐUỠC 2010. *Điều khắc Chăm và thần thoại Ấn Độ*. Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- LÂM QUAN THÙY NHIÊN 2005. *Tượng cổ bằng đá ở Đồng bằng Nam Bộ*. Luận án Tiến sĩ. Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học, Tp. Hồ Chí Minh.
- LÊ THỊ LIÊN 2002. *Nghệ thuật Phật giáo và Hindu giáo ở đồng bằng sông Cửu Long trước thế kỷ thứ X*. Luận án Tiến sĩ. Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học, Tp. Hồ Chí Minh.
- LÊ XUÂN DIỆM, ĐÀO LINH CÔN, VÕ SĨ KHẢI 1995. *Văn hoá Óc Eo - những khám phá mới*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- LOUIS MALLERET 1959-1963. *Khảo cổ học đồng bằng sông Cửu Long*. Bản dịch bốn tập của Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam (1970). Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học, Tp. Hồ Chí Minh.
- NGUYỄN HOÀNG BÁCH LINH 2012. *Bước đầu nghiên cứu loại hình linga, yoni trong văn hóa Óc Eo ở Tây Nam Bộ*. Đề tài tập sự nghiên cứu. Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học, Tp. Hồ Chí Minh.
- SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN TỈNH LONG AN - BẢO TÀNG TỈNH LONG AN 2001. *Khảo cổ học Long An - Những thế kỷ đầu Công nguyên*. Nxb. Long An, Long An.

TYOLOGY OF LINGA AND YONI IN ÓC EO CULTURE IN WESTERN AREA OF SOUTHERN VIỆT NAM - APPROACH FROM MANUFACTURING PROCESS

NGUYỄN HOÀNG BÁCH LINH

According to the published data so far, 99 votive statues have been found from almost all provinces in the western area of Southern Việt Nam.

The linga and yoni statues, which are rich in forms, diversified in sizes, demonstrate both certain manufacturing and technical standards of the Indian civilization, and creativity with the local features of the Óc Eo-culture community. They are invaluable heritage.

The paper, through the systematization and the analysis of all the types the simple to the complicated linga and yoni statues, contributes to the perception of the characteristics of the local arts from the Óc Eo-culture inhabitants in their process of settlement and development in the Southern Việt Nam in the first Christian Era.